

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2020/HS-ST**
Ngày: 24-12-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đặng Ngọc T, sinh năm 1996, tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu C, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nam D và bà Đặng Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 24/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 81/2018/QĐ-TA, thời gian chấp hành là 18 tháng. Ngày 14/01/2020, chấp hành xong Quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 00 ngày 16/8/2020, Nguyễn Đăng Ngọc T đang ở nhà tại ấp 3, xã P, huyện N thì có đối tượng tên S (chưa rõ nhân thân) đến rủ T cùng nhau đi đến phòng trọ của S tại xã V (chưa rõ địa chỉ) để sử dụng ma túy, T đồng ý. Lúc này, S đưa cho T một gói nylon nhỏ bên trong có chứa ma túy, 02 ống thủy tinh, 01 cái khò lửa cho T cất giấu vào trong túi quần phía sau bên trái. Sau đó, S điều khiển xe mô tô của S (chưa rõ biển số), T điều khiển xe mô tô biển số 53P6-8759 đi đến phòng trọ của S. Khi đi đến đoạn đường Trần Văn Trà thuộc ấp 3, xã P, thì T bị lực lượng SOS tuần tra phát hiện báo công an xã P bắt quả tang T cùng tang vật, còn đối tượng tên S chạy thoát.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 gói nylon màu trắng, kích thước 2x3cm, hàn kín bên trong có tinh thể rắn màu trắng;
- 02 ống thủy tinh; 01 cái khò lửa;
- 01 xe mô tô biển số 53P6-8759; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen bên trong gắn sim số 0962.098.837.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Đăng Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 1985/KLGD-PC09 ngày 20/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai xác định: Mẫu chất màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,1531 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 160/CT-VKS-NT ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo nghiện ma túy nên vẫn cố tình thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù.

+ Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật ma túy còn lại sau giám định, 02 ống thủy tinh, 01 cái khò lửa.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen bên trong có gắn sim số 0962.098 837 do không liên quan đến vụ án.

Đối với xe mô tô biển số 53P6-8759, do chưa xác định được nguồn gốc chủ

sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng S là người rủ rê và đưa ma túy cho T để sử dụng nhưng chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo không có ý kiến gì đối về bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào ngày 16/8/2020, bị cáo Nguyễn Đăng Ngọc T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0, 1531 gam ma túy loại Methamphetamine để nhằm mục đích sử dụng và bị lực lượng công an xã P bắt quả tang cùng tang vật.

Bị cáo ý thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, tuy nhiên để sử dụng cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trong quần chúng nhân dân.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật sau giám định trong niêm phong số 1985/KLGĐ-PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai, 02 ống thủy tinh, 01 cái khò lửa.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen bên trong có gắn sim số 0962.098 837 do không liên quan đến vụ án.

[8] Đối với xe mô tô biển số 53P6-8759, do chưa xác định được nguồn gốc chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[9] Đối với đối tượng S là người rủ rê và đưa ma túy cho T để sử dụng nhưng chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2020.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong mẫu vật sau giám định trong niêm phong số 1985/KLGD-PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai, 02 ống thủy tinh, 01 cái khò lửa.

Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia màu đen bên trong có gắn sim số 0962.098 837 do không liên quan đến vụ án.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/11/2020)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đặng Ngọc T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang